

Bản án số: 120/2024/DS-ST.

Ngày: 30 - 9 - 2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản*”
và “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P,
TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Bà Lê Thị Thu Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoàn Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

I/ Nguyên đơn: Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn D, phường Bến T, thành phố V, tỉnh Nghệ A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANORWATPAISAL N - Sinh năm 1972 - Chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ liên lạc: Số 928 đường Lạc Long Q, phường 8, quận Tân B, thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàn T - Sinh năm 1996; Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N (Theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023) (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 273 Ngô Gia Tự, phường Tân T1, thành phố P, tỉnh N.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D - Sinh năm 1994 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Mỹ Đ, thành phố P, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hoàn T trình bày:

Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N (*Viết tắt là Công ty SAWAD*) không được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép hoạt động nên không hoạt động kinh doanh theo Luật các tổ chức tín dụng và các Văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng phi Ngân hàng. Công ty SAWAD chỉ được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ A cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/3/2024.

Công ty SAWAD có các tên ngành đăng ký theo “Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp” số 5942/24 ngày 22/3/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ A. Theo đó, thông tin của doanh nghiệp (Công ty SAWAD) được cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gồm ngành nghề kinh doanh, mã ngành và kinh doanh đúng các ngành nghề đã đăng ký; trong đó có ngành chính là “Dịch vụ cầm đồ” theo mã ngành 6492.

Vào ngày 09/12/2020 Bà Nguyễn Thị Kim D có đến Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N tại Chi nhánh PR 2 để ký hợp đồng cầm cố số: P2M201201016NA16X với tài sản là xe mô tô biển số 85B1-434.87, nhãn hiệu HONDA VISION 108CC; số khung 5804EY448044; số máy JF58E0333835 để cầm cố vay với số tiền là 15.840.000 đồng (*mười lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) trả gốc và lãi trong vòng 12 tháng. Theo hợp đồng cầm cố ngày 09/12/2020 kèm giấy mượn xe đã ký với chi nhánh. Bà Nguyễn Thị Kim D chỉ mới thanh toán được 3 kì tổng số tiền bao gồm gốc lãi phí là 5.640.000^d, cụ thể là:

- Ngày 09/01/2021 khách hàng thanh toán 1.798.000 đồng.
- Ngày 27/02/2021 khách hàng thanh toán 1.840.000 đồng.
- Ngày 06/5/2021 khách hàng thanh toán 2.002.000 đồng.

Đến nay, đã hết hạn hợp đồng nhưng bà Nguyễn Thị Kim D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã ký kết. Công ty nhiều lần tạo điều kiện để bà Nguyễn Thị Kim D thanh toán nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Kim D vẫn không hợp tác. Vì vậy,

Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N đã khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim D ra Toà án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Tại đơn khởi kiện 04/6/2024 Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D phải giao trả lại chiếc xe mô tô biển số 85B1-434.87 nhãn hiệu HONDA VISION 108CC theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N. Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim D không thể trả lại xe cầm cố thì phải có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi và các khoản phí theo đúng hợp đồng cầm cố tài sản với khoản tiền 38.322.920,75 đồng cho Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D phải giao trả lại chiếc xe mô tô biển số 85B1-434.87 nhãn hiệu HONDA VISION 108CC theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký cho Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử (Ngày 30/9/2024) là 21.422.911^d (*Hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn chín trăm mười một đồng*); Bao gồm các khoản: Nợ gốc 12.717.824^d (*Mười hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*); Nợ lãi trong hạn 745.716^d (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm mười sáu đồng*); Nợ lãi quá hạn 7.959.371^d (*Bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi một đồng*). Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Khi nào bà Duyên thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N sẽ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 019685 do Công an tỉnh N cấp ngày 06/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim D và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim D: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị Kim D không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Toà án nhân dân thành phố P:
Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có
N.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, Công ty SAWAD yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D phải trả lại xe máy đã mượn theo “Giấy mượn xe” mà hai bên đã ký kết; nếu bà Nguyễn Thị Kim D không thể trả lại xe máy thì phải trả số tiền gốc, lãi và các khoản phí còn nợ theo Hợp đồng cầm cố tài sản. Đến phiên hòa giải ngày 20/8/2024 cũng như bản trình bày yêu cầu ngày 30/9/2024 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D phải trả chiếc xe máy đã mượn chỉ phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Hội đồng xét xử xác định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của đương sự, các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: bà Nguyễn Thị Kim D cầm cố xe máy cho Công ty SAWAD để nhận tiền, ngay sau đó lập giấy mượn xe đã cầm cố để dùng làm phương tiện đi lại. Như vậy, bản chất của giao dịch dân sự lập “Hợp đồng cầm cố” và “Giấy mượn xe” giữa Công ty SAWAD và bà Nguyễn Thị Kim D là để che đậy mục đích thật sự là “*Vay tiền*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 8, phường Mỹ Đ, thành phố P, tỉnh N. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn Công ty SAWAD có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa

án tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty SAWAD, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] *Đối với nội dung vay có cầm cố tài sản:* Công ty SAWAD cho bà Nguyễn Thị Kim D vay tiền có cầm cố tài sản là chiếc xe máy thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim D để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, việc cho vay và cầm cố tài sản các bên không lập thành từng hợp đồng riêng biệt mà lập chung một hợp đồng có tiêu đề là “Hợp đồng cầm cố” và có mục “lưu ý cho khách hàng cầm cố” kèm theo (*Gọi tắt là Hợp đồng cầm cố*). Trong Hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, thời hạn, phương thức thanh toán, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các khoản phí liên quan đến cầm cố tài sản. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 09/12/2020, giữa bà Nguyễn Thị Kim D và Công ty SAWAD ký kết Hợp đồng cầm cố. Căn cứ nhu cầu và trị giá tài sản cầm cố của bà Nguyễn Thị Kim D; Công ty SAWAD đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 85B1-434.87 nhãn hiệu HONDA VISION 108CC và cho bà Nguyễn Thị Kim D vay số tiền 15.840.000 đồng (*mười lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền (*Ngày 09/12/2020*); bà Nguyễn Thị Kim D có nghĩa vụ trả tiền vào ngày 09 của tháng, từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty SAWAD và bà Nguyễn Thị Kim D được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp; là cơ sở để giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cầm cố, bà Nguyễn Thị Kim D chỉ mới thanh toán được 3 kì tổng số tiền bao gồm gốc, lãi và phí là 5.640.000^d, cụ thể:

- Ngày 09/01/2021 thanh toán 1.798.000 đồng.
- Ngày 27/02/2021 thanh toán 1.840.000 đồng.
- Ngày 06/5/2021 thanh toán 2.002.000 đồng.

Sau đó bà Nguyễn Thị Kim D không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty SAWAD nữa. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm (*Ngày 30/9/2024*), bà Nguyễn Thị Kim D còn nợ Công ty SAWAD với tổng số tiền: 21.422.911 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn chín trăm mười một đồng*) bao gồm các khoản như sau: Nợ gốc: 12.717.824 đồng; Nợ lãi trong hạn: 745.716 đồng; Lãi quá hạn: 7.959.371 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc tính tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn của công ty SAWAD là có căn cứ và phù hợp với các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Để bảo đảm cho khoản vay, bà Nguyễn Thị Kim D đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 85B1-434.87 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim D cho Công ty SAWAD. Tài sản cầm cố đã được đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng trên hệ thống đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm đối với tài sản cầm cố. Khi nào bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N phải giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 019685 do Công an tỉnh N cấp ngày 06/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim D và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[2.2] *Đối với nội dung mượn tài sản và các khoản phí đã thỏa thuận trong hợp đồng:* Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử thấy, ngày 09/12/2020, bà Nguyễn Thị Kim D đã lập “Giấy ủy quyền” để ủy quyền cho Công ty SAWAD với nội dung: “*Bên nhận ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển số 85B1-434.87*”. Do bà Nguyễn Thị Kim D không có phương tiện đi lại để phục vụ công việc cá nhân nên cũng trong ngày 09/12/2020; bà Nguyễn Thị Kim D đã lập “Giấy mượn xe” xin mượn lại chiếc xe mang biển số 85B1-434.87 đã được cầm cố trong thời hạn 30 ngày từ ngày 09/12/2020 đến ngày 09/01/2021 và Công ty SAWAD đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho bà Nguyễn Thị Kim D mượn. Việc các bên thỏa thuận cho mượn lại tài sản cầm cố và thỏa thuận các khoản phí trong hợp đồng là sự tự nguyện của các bên tham gia giao dịch, không bị pháp luật cấm tại thời điểm thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với khoản phí mà bà Nguyễn Thị Kim D đã trả cho Công ty SAWAD. Hơn nữa, hiện nay Công ty SAWAD cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản phí này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Chiếc xe mô tô biển số 85B1- 434.87 nhãn hiệu HONDA VISION 108CC, Công ty SAWAD đã giao cho bà Nguyễn Thị Kim D quản lý, sử dụng khi hai bên lập “Giấy mượn xe” và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D phải trả lại xe nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Kim D, có nội dung thể hiện yêu cầu khởi kiện của Công ty SAWAD đối với bà Nguyễn Thị Kim D nhưng bà Nguyễn Thị Kim D không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty SAWAD xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị Kim D đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Công ty SAWAD không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 1.071.145^d (*Một triệu không trăm bảy mươi một nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 375, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N.

1./ Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải trả cho Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2024 là 21.422.911^d (*Hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn chín trăm mười một đồng*); Trong đó: Nợ gốc 12.717.824^d (*Mười hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*); Nợ lãi trong hạn 745.716^d (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm mười sáu đồng*); Nợ lãi quá hạn 7.959.371^d (*Bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/10/2024) cho đến khi thi hành án xong; bà Nguyễn Thị Kim D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N và bà Nguyễn Thị Kim D đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Kim D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N có nghĩa vụ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 019685 do Công an tỉnh N cấp ngày 06/01/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim D và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp

luật.

2./ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 1.071.145^d (*Một triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có N số tiền 958.000^d (*Chín trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002837 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3./ Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ ./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Liên

Lê Thị Thu Sương

Trịnh Thị Hồng